

# Thực trạng ứng dụng phương pháp ID-ASOBI vào giáo dục trẻ ở các trường mầm non tại thành phố Đà Nẵng

Trần Song Bình Dương\*, Nguyễn Thị Như Quỳnh\*\*

\*Trường Mầm non Selfwing V- Kids Đà Nẵng

\*\*TS. Trường ĐHSPTP Hồ Chí Minh

Received:6/12/2023; Accepted:9/12/2023; Published: 11/12/2023

**Abstract:** ID - Asobi represents an educational initiative in Japan aimed at nurturing children's intelligence through intellectual development programs. With the authorization of Megumi Urakawa educational Institutes from Hokkaido, Japan, ID-Asobi was introduced to provide teaching at select kindergartens in Vietnam. To advance educational management and enhance the quality of instruction within preschools employing the ID-Asobi method, it is imperative for administrators to delve into the existing educational practices of these institutions. This involves assessing attained milestones and identifying areas necessitating enhancement within the preschool education department. Subsequently, this evaluation informs pertinent adjustments in both managerial strategies and pedagogical approaches. Utilizing scientific theory as its framework, this article offers research findings concerning the present application and management of the ID - Asobi approach within preschool education in Da Nang City.

**Keywords:** ID-Asobi, Kindergarten education, Educational management, teachers, students

## 1. Đặt vấn đề

ID (Intellectual Development) nghĩa là phát triển trí thông minh. Asobi (遊び) có nghĩa là vui chơi trong tiếng Nhật. ID - Asobi có thể hiểu là trò chơi tư duy, giúp trẻ phát triển trí thông minh, năng lực tư duy, phán đoán (Yashushi, I., 1999). Phương pháp ID - Asobi dựa trên nền tảng tự do trong hành động, tự chủ trong tư duy, giúp thay đổi phương pháp (PP) giáo dục của giáo viên (GV), thay đổi cách nhìn của GV về giáo dục trẻ. Theo Yasushi. I., 1999), mục tiêu ứng dụng phương pháp ID-Asobi vào giáo dục trẻ là: 1) Phát huy năng lực tập trung và năng lực tư duy cho trẻ; 2) Phát huy tính tự giác của trẻ; 3) Đề cao sự đóng góp của trẻ. Vì vậy, GV mầm non được đào tạo và phải thực hiện thường xuyên tạo động lực cho trẻ, không giải quyết vấn đề thay cho trẻ, chú trọng quá trình chứ không phải kết quả, quản lý lớp theo nguyên tắc khuyến khích hợp tác chứ không phải kích thích cạnh tranh, quan trọng năng lực cá nhân của trẻ, không sử dụng PP giáo dục đồng loạt, tách bạch giữa thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc

ID - Asobi là chương trình giáo dục trí tuệ đã triển khai ở Nhật Bản với mục đích phát triển trí thông minh của trẻ (Intellectual Development) lên đến giới hạn cao nhất (Yashushi, I., 1999). Với bề dày hơn 40 năm áp dụng tại các trường mẫu giáo ở Nhật, chương trình đã và đang đạt được những thành quả nhất định. Với sứ mệnh phát triển trí thông minh cho trẻ em mầm non, tại Việt Nam, chương trình ID-Asobi đang

dần được phát triển dưới sự chỉ dẫn của ông IHARA Yasushi-Chủ tịch Học viện Giáo dục Friend Megumi Urakawa-Hokkaido (Nhật Bản). Xuất phát từ tính ưu việt của phương pháp giáo dục ID - Asobi, từ năm 2015, người nghiên cứu đã hợp tác với Học viện Giáo dục Friend Megumi Urakawa-Hokkaido (Nhật Bản) do ông IHARA Yasushi là người cải tiến và chịu trách nhiệm về quản lý bản quyền để áp dụng ở Trường Mầm Non Selfwing V-Kids Đà Nẵng và các trường mầm non tư thục chất lượng cao tại TP. Đà Nẵng, Thái Bình và vùng phụ cận. Vì vậy trên cơ sở lí luận khoa học, bài báo trình bày kết quả nghiên cứu về thực trạng ứng dụng phương pháp ID - Asobi vào giáo dục trẻ ở các trường mầm non tại TP Đà Nẵng nhằm đề xuất biện pháp quản lý giáo dục góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trẻ ở các trường mầm non ứng dụng phương pháp ID-Asobi của các cơ sở giáo dục mầm non.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Thực trạng ứng dụng phương pháp ID- Asobi vào giáo dục trẻ ở các trường mầm non tại TP Đà Nẵng

Người nghiên cứu sử dụng PP điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chủ đạo để khảo sát thực trạng ứng dụng phương pháp ID- Asobi vào giáo dục trẻ ở 02 trường mầm non Selfwing V-Kids - quận Thanh Khê và MN Việt - Nhật Đà Nẵng - quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng. Mẫu khảo sát là 253 người, bao gồm 11 cán bộ quản lý (CBQL) và 62 GV, 180 cha mẹ học sinh (CMHS).

Sau khi thực hiện khảo sát, tác giả xử lý dữ liệu định lượng với phần mềm SPSS. Trong đó, các phép toán thống kê được sử dụng gồm tỉ lệ phần trăm (%) và điểm trung bình chung (ĐTB). Kết quả xử lý số liệu khảo sát được quy ước theo 05 mức độ ứng với điểm 1 đến 5 là: 1,0 – 1,8: Rất không tốt/ Hoàn toàn không cần thiết; 1,81 – 2,60: Không tốt/ Không cần thiết; 2,61 – 3,40: Tạm được/ Có cũng được, không cũng được; 3,41 – 4,20: Tốt/Cần thiết; 4,21 – 5,0: Rất tốt/Rất cần thiết. Kết quả cụ thể như sau:

## **2.2. Thực trạng thực hiện mục tiêu ứng dụng phương pháp ID-Asobi**

Kết quả khảo sát về việc thực hiện mục tiêu ứng dụng PP ID – Asobi ở hai trường Mầm Non tại TP. Đà Nẵng cho thấy CBQL đánh giá việc thực hiện tất cả các mục tiêu đều ở mức “tốt” và “rất tốt”. Tuy nhiên đối với GV, đáng lưu ý là ngoài đánh giá việc thực hiện 5/6 mục tiêu là rất tốt, có 1 mục tiêu chỉ ở mức “tạm được”. Cụ thể là, CBQL cho rằng ứng dụng PP ID – Asobi giúp trẻ có tâm hồn phong phú (ĐTB: 4,33), trẻ khỏe mạnh (ĐTB: 4,17), trẻ hoà nhập và có nhiều bạn thân (ĐTB: 4,50), trẻ tích cực suy nghĩ (ĐTB: 5,00), trẻ luôn cố gắng và nỗ lực (ĐTB: 4,83), Trẻ phát huy tính tự lập (ĐTB: 5,00). Với GV, ứng dụng PP ID – Asobi giúp trẻ có tâm hồn phong phú (ĐTB: 4,21), trẻ hoà nhập và có nhiều bạn thân (ĐTB: 4,33), trẻ tích cực suy nghĩ (ĐTB: 4,36), trẻ luôn cố gắng và nỗ lực (ĐTB: 4,24), Trẻ phát huy tính tự lập (ĐTB: 4,24). Với mục tiêu giúp trẻ khỏe mạnh, GV đánh giá ở mức “tạm được” với ĐTB là 3,96.

Như vậy, cả hai đối tượng nghiên cứu đều đánh giá rất tốt về việc thực hiện các mục tiêu ứng dụng PP ID – Asobi. Tuy nhiên, CBQL thường có điểm số cao hơn so với GV trong mọi tiêu chí đánh giá, cho thấy CBQL có nhận thức và xu hướng đánh giá thực hiện mục tiêu tốt hơn GV tại hai trường. Đặc biệt lưu ý với mục tiêu phát triển thể chất cho trẻ, cả CBQL và GV đều đánh giá thấp nhất so với các mục tiêu khác.

## **2.3. Thực trạng nhận thức về sự cần thiết của việc ứng dụng PP ID – Asobi vào 5 lĩnh vực nội dung phát triển của trẻ mầm non**

Nội dung hoạt động giáo dục cho trẻ mẫu giáo là những nội dung giáo dục theo các lĩnh vực phát triển theo độ tuổi trong chương trình GDMN. Phương pháp ID-Asobi là PP giáo dục Mầm non của Nhật Bản, song lại được ứng dụng ở Việt Nam, người nghiên cứu nhận thấy cần có sự khảo sát về sự cần thiết của việc ứng dụng PP ID – Asobi trong việc phát triển 5 lĩnh vực nội dung giáo dục này.

Kết quả khảo sát cho thấy, có sự khác biệt giữa nhận thức của CBQL, GV và CMHS trong việc đánh

giá về sự cần thiết của việc ứng dụng PP ID – Asobi vào 5 lĩnh vực nội dung phát triển của trẻ mầm non. CBQL cho rằng PP ID – Asobi đóng vai trò “rất cần thiết” trong việc phát triển ngôn ngữ (ĐTB: 5,00) và phát triển nhận thức (ĐTB: 4,67). Tuy nhiên, họ lại cho rằng PP này “có cũng được, không cũng được” (ĐTB: 2,67) trong việc phát triển thể chất. Với GV, từ những kinh nghiệm giảng dạy trực tiếp, họ cho rằng PP ID – ASOBI “rất cần thiết” trong việc phát triển nhận thức (ĐTB: 4,31) và tiếp đến là phát triển thẩm mỹ (ĐTB: 4,21). Tuy nhiên, họ cũng đánh giá vai trò của PP này đối với phát triển thể chất là thấp nhất với ĐTB là 3,81. Với CMHS, họ đánh giá vai trò của PP ID – ASOBI là “rất cần thiết” trong việc phát triển nhận thức (ĐTB: 4,41), phát triển thẩm mỹ (ĐTB: 4,32), phát triển ngôn ngữ (ĐTB: 4,25), phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội (ĐTB: 4,29). Đối với phát triển thể chất, CMHS cũng đánh giá ở mức thấp hơn, là “cần thiết” (ĐTB: 4,10).

Nhìn chung, CBQL, GV và CMHS cho rằng phương pháp ID – ASOBI “rất cần thiết” trong việc phát triển nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm và các kĩ năng xã hội, song họ lại đánh giá vai trò của phương pháp này đối với phát triển thể chất với ĐTB là thấp nhất.

## **2.4. Thực trạng hình thức tổ chức ứng dụng phương pháp ID - Asobi**

Về thực trạng hình thức tổ chức ứng dụng phương pháp ID – Asobi, cả CBQL và GV đều đánh giá ở mức “rất tốt”. Cụ thể là với tiêu chí *phát huy năng lực tập trung và năng lực tư duy cho trẻ*, CBQL đánh giá rất tốt với ĐTB là 4,67, GV là 4,34. Tiêu chí *chú trọng vào quá trình chứ không phải kết quả*: CBQL có ĐTB là 4,83, GV là 4,45. *Quản lí lớp theo nguyên tắc khuyến khích hợp tác chứ không phải kích thích cạnh tranh*: CBQL có ĐTB là 4,50, GV là 4,31. Tiêu chí *Quan trọng ở năng lực cá nhân của trẻ, không sử dụng phương pháp giáo dục đồng loạt*: CBQL có ĐTB là 4,33. Ở tiêu chí này GV có ĐTB là 4,37 gần như bằng với CBQL trong tiêu chí này.

Như vậy chúng ta có thể thấy CBQL thường có điểm số cao hơn hoặc tương đương với GV trong hầu hết các tiêu chí đánh giá thực trạng hình thức tổ chức ứng dụng phương pháp ID – Asobi. Cả hai đối tượng đều chú trọng vào việc phát triển năng lực cá nhân và tư duy của trẻ, tuy nhiên CBQL có xu hướng đánh giá cao hơn trong việc tập trung vào quá trình hơn là kết quả cuối cùng. GV cũng đạt điểm rất tốt trong các tiêu chí nhưng có thể cần một chút cải thiện để tiếp tục nâng cao mức độ thực hiện của mình, đặc biệt là trong việc tập trung vào quá trình học tập và tạo môi trường

hợp tác trong lớp học.

### **2.5. Thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả ứng dụng PP ID - Asobi vào giáo dục trẻ ở các trường mầm non tại TP Đà Nẵng**

Đối với việc kiểm tra đánh giá kết quả ứng dụng PP ID - Asobi vào giáo dục trẻ ở các trường mầm non tại TP Đà Nẵng, cả CBQL và GV khi thực hiện ứng dụng PP ID - Asobi vào giáo dục trẻ vẫn còn chưa chủ động và chuyên tâm. Đáng chú ý là họ không muốn thực hiện việc kiểm tra đánh giá thường xuyên. Về phía CBQL cho biết *hoàn toàn không cần thiết* (100%) khi phải thực hiện kiểm tra đánh giá hàng ngày, mà chỉ muốn *thực hiện định kì* (66.7%); phía GV hướng dẫn xem việc kiểm tra đánh giá hàng ngày mức cần thiết rất thấp (3%), đánh giá hàng tuần chỉ chiếm phân nửa (50%) mà chỉ thấy cần thiết khi chỉ kiểm tra đánh giá định kì (52.2%).

### **2.6. Thực trạng điều kiện đảm bảo việc ứng dụng PP ID - Asobi vào giáo dục trẻ ở các trường mầm non tại TP Đà Nẵng**

Thông qua phân khảo sát thực trạng điều kiện đảm bảo việc ứng dụng PP ID - Asobi vào giáo dục trẻ, chúng ta có thể thấy rằng: Cả CBQL và GV đều đánh giá “rất tốt” các điều kiện. Cụ thể là đối với điều kiện *nhận thức của CBQL, GV về tầm quan trọng của quản lí ứng dụng PP ID- Asobi*, CBQL đánh giá “rất tốt” với ĐTB là 4,33, GV là 4,28. Về *trình độ, năng lực, phẩm chất của đội ngũ CBQL trong hoạt động ứng dụng PP ID – Asobi*, CBQL có ĐTB là 4,50, GV là 4,31. Về *trình độ, năng lực, phẩm chất của đội ngũ GV trong hoạt động ứng dụng PP ID – Asobi*, CBQL có ĐTB là 4,83 và GV là 4,48. Đối với điều kiện *phẩm chất, năng lực, nhận thức và thái độ của trẻ đối với hoạt động ứng dụng PP ID – Asobi*, CBQL có ĐTB là 4,67 và GV là 4,45. Cuối cùng, *điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động ứng dụng PP ID – Asobi*, CBQL và GV cũng đánh giá ở mức tốt với lần lượt ĐTB là 4,67 và 4,34.

Tuy nhiên, riêng về tiêu chí đánh giá *trình độ, năng lực, phẩm chất của đội ngũ CBQL trong hoạt động ứng dụng PP ID- Asobi* mặc dù CBQL tự đánh giá *rất tốt* (50%), *tốt* (50%) nhưng GV đánh giá thấp hơn, mức độ *tốt* (23,9%) có cả mức *tạm được* (22,4%). Điều này cũng chính là mối lo ngại bởi CBQL đa phần đều có thâm niên làm việc lâu năm, đây là điều kiện thuận lợi nhưng cũng là điểm bất lợi khi họ đã quá quen với PP dạy truyền thống; do ảnh hưởng tuổi tác nên việc trau dồi năng lực chuyên môn, học hỏi tích hợp các PP giáo dục mới với họ vẫn còn là trở ngại đáng kể.

### **3. Kết luận**

Thông qua kết quả khảo sát và đánh giá thực trạng ứng dụng phương pháp ID - Asobi vào giáo dục trẻ ở các trường mầm non cho thấy: Các đối tượng khảo sát đều đánh giá tốt về thực hiện các mục tiêu ứng dụng PP ID – Asobi. Tuy nhiên, cần lưu ý với mục tiêu phát triển thể chất cho trẻ, cả CBQL và GV đều đánh giá thấp nhất so với các mục tiêu khác. Có thể thấy rằng, cần đào tạo bổ sung hoặc hỗ trợ thêm cho GV để cải thiện thực hiện mục tiêu này. Đối với thực trạng nhận thức về ứng dụng PP ID – Asobi vào 5 lĩnh vực nội dung phát triển của trẻ, CBQL, GV và CMHS đều nhận thức sự cần thiết của việc ứng dụng PP ID – Asobi trong nhiều lĩnh vực phát triển của trẻ, tuy nhiên, thể chất được đánh giá thấp nhất. Vì thế, cần tập trung vào việc tăng cường ứng dụng PP ID - Asobi trong việc phát triển thể chất của trẻ, có thể thông qua việc cung cấp tài nguyên, hỗ trợ và tập huấn thêm cho cả CBQL, GV. Về thực trạng hình thức tổ chức ứng dụng PP ID - Asobi: Cả CBQL và GV đánh giá cao hình thức tổ chức ứng dụng PP ID – Asobi, tuy nhiên, CBQL thường đạt điểm số cao hơn. GV có thể cần hỗ trợ hoặc đào tạo thêm để nâng cao mức độ thực hiện, đặc biệt là trong việc tập trung vào quá trình học tập và tạo môi trường hợp tác trong lớp học. Đối với thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả ứng dụng CBQL và GV cần tăng cường chủ động trong việc kiểm tra đánh giá để nâng cao hiệu quả ứng dụng PP ID - Asobi. Nhà trường cần xem xét và thực hiện kiểm tra đánh giá thường xuyên hơn, có thể thông qua việc hỗ trợ hoặc hướng dẫn chi tiết về cách tiến hành kiểm tra. Về thực trạng điều kiện đảm bảo việc ứng dụng PP ID - Asobi, mặc dù các điều kiện đều được CBQL và GV đánh giá rất tốt, song cần hỗ trợ tập huấn GV, đặc biệt là các GV có thâm niên lâu năm nhằm giúp họ trau dồi năng lực chuyên môn, học hỏi và thực hành tốt các PP giáo dục mới.

### **Tài liệu tham khảo**

1. ASOBI is under construction (2023) (n.d.) *Idasobi.com*. Truy xuất ngày 30 tháng 8 năm 2023, từ <https://idasobi.com>
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2016). *Chương trình giáo dục mầm non*. NXBGDVN. Hà Nội
3. Bộ Lao động Phúc lợi xã hội (1947). *Luật Phúc lợi nhi đồng* (児童福祉法).
4. IHARA Yasushi (1999). *Học viện Giáo dục Friend Megumi Urakawa- Hokkaido*. Nhật Bản
5. Mulyadi, B. (2020). The Uniqueness of The Early Childhood Education System in Japan. *IZUMI*, 9(1), 75–82. <https://doi.org/10.14710/izumi.9.1.75-82>.
6. Nguyễn Thị Ánh Tuyết (chủ biên), Nguyễn Như Mai, Đinh Kim Thoa (2003). *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXBĐHSP. Hà Nội